

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/ HNGĐ-PT

Ngày 09/11/2022

*V/v: Tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tr Đ H

Các Thẩm phán: Bà Tr Th Th Th và bà Tr Th L N

- Thư ký phiên tòa: Bà Tr V H - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND thành phố H N tham gia phiên tòa: Bà Ng Th Ng L -
Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố H N xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 116/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 254/2022/ HNGĐ - ST ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N T L, thành phố H N có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2022/QĐXX-PT ngày 26/10/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **V Th D**, sinh năm 1991. Có mặt

Đăng ký HKTT: Căn hộ 3308A, tòa nhà S202, dự án khu đô thị mới T M, Đ M, V P, phường T M, quận N T L, TP. H N.

Chỗ ở hiện nay: Nhà số 8, hẻm 31, ngách 30, ngõ 63 L Đ Th, phường M Đ 1, quận N T L, thành phố H N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Ng Th H Ng - Luật sư Công ty Luật TNHH Ng Ng và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H N. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **V Th H**, sinh năm 1989. Có mặt

Đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Căn hộ 3308A, tòa nhà S202, dự án khu đô thị mới T M, Đ M, V P, phường T M, quận N T L, thành phố H N. Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường Ph D, quận B T L, thành phố H N.

NHẬN THẤY:

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn chị Vũ Thị Duyên trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã V L, huyện H H, tỉnh Th B ngày 20/03/2015. Trong quá trình vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, do vợ chồng không cùng quan điểm sống, bất đồng, nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 07/2020, chị phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác phát sinh từ năm 2018. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải, bản thân chị cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nuôi dạy con chung, nhưng đến tháng 12/2021 chị nhận thấy anh H không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng gay gắt, dẫn đến chị D phải chuyển ra ngoài sống, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ chung sống lâu dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là V Đ H1 sinh ngày 21/11/2016. Hiện cháu đang ở với ông bà nội. Tháng 01 năm 2019 do muốn làm ăn kinh tế nên chị và anh H đưa con về gửi ông bà nội ở quê để nuôi và chăm sóc con. Đến năm 2021 hai vợ chồng đón con lên H N ở cùng thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 01/2022 anh H tự ý tiếp đón cháu H1 lúc đó đang ở cùng chị D và tự ý gửi con về quê Th B cho ông bà nội nuôi dưỡng, thực tế ông bà nội tuổi đã cao già yếu. Trong suốt thời gian con chung sống cùng ông bà nội chị D vẫn về thăm con khoảng 3 lần một tuần và có mua sữa, quần áo, đồ ăn cho con. Mỗi tháng gửi ông bà nội 1.000.000 đồng để nuôi con. Từ tháng 01/2022 chị chỉ được thăm con, không được đón con đi chơi, do gia đình chồng cản trở. Do anh H nói chưa có quyết định của Tòa án. Ông bà nội nói do chị vi phạm luật lệ của nhà chồng, do chị tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nên không cho đón con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi cháu H1. Chị có đủ thời gian và khả năng kinh tế, trình độ văn hóa để chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh V Th H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị D kết hôn năm 2015, có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã V L, huyện H H, tỉnh Th B trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D ghen, khi đó anh H đã viết cam kết để cho gia đình được yên ấm. Năm 2020

và 2021, chị D không về nhà chồng ăn tết, qua tết mới về. Tháng 08/2020 hai vợ chồng mâu thuẫn, chị D bỏ đi sáng hôm sau mới về, vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Nay anh H xác định tình cảm hạnh phúc vợ chồng mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ chung sống lâu dài, yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là V Đ H1 sinh ngày 21/11/2016. Thời gian trước cháu ở với ông bà nội tại Th B, từ ngày 15/6/2022 chuyển về ở cùng bố tại tổ 6, phường Ph D, quận B T L. Khi ly hôn nguyện vọng được nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng; Anh H và chị D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 254/2022/HNGĐ-ST, ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N T L, thành phố H N. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị V Th D

- Chị V Th D được ly hôn với anh V Th H.

- Về con chung: Giao cháu V Đ H1 sinh ngày 21/11/2016 cho anh V Th H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị V Th D cho đến khi một trong các bên có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V Th D và anh V Th H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 254/2022/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N T L, thành phố H N. Ngày 12/7/2022 chị D có đơn kháng cáo về phần giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi, chị D không đồng ý và xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung. Còn các phần quyết định khác đồng ý như bản án sơ thẩm đã quyết định, không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D giữ nguyên nội dung kháng cáo:

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Đề nghị HĐXX xem xét đối với chị D có chỗ ở, thu nhập ổn định. Cháu H1 còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc dạy dỗ trực tiếp của người mẹ. Anh H công tác tại TTHLVBDNV01, BTLCSGD (K02) Bộ công an, thường xuyên phải trực ở cơ quan đơn vị và đi

công tác xa, luôn phải vắng nhà, nên không có nhiều thời gian gần gũi chăm sóc, dạy dỗ cháu H1. Trong khi giải quyết ly hôn tại Tòa án cấp sơ thẩm và sau khi có bản án sơ thẩm cháu H1 vẫn gửi ông bà nội ở Th B nuôi dưỡng, anh H không trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và sự phát triển của con trẻ. Chị D thường xuyên về Th B thăm gặp con nhưng đều bị gia đình nhà chồng cản trở không cho thăm nom, cấm không cho đón con đi chơi, đây là hành vi xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H1 và chị D vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đặc biệt việc anh H giao cháu H1 cho ông bà nội chăm sóc toàn bộ tại Th B, trong khi đó anh H, chị D là bố mẹ đẻ đều sống và làm việc tại thành phố H N đã xâm phạm đến quyền được sống chung với cha, mẹ của cháu H1 theo quy định tại Điều 22 Luật trẻ em năm 2016. Tháng 10/2022 trường Tiểu học & THCS V L, xã V L, huyện H H, tỉnh Th B có văn bản xác nhận cháu H1 đang theo học lớp 1A tại trường. Hơn nữa thực tế chị D từ trước đến nay công việc hành chính, thu nhập ổn định không phải đi công tác xa nhà có nhiều thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung trưởng thành phát triển tốt về mọi mặt tốt hơn việc giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cũng xem xét về điều kiện mọi mặt, quy định của pháp luật đề nghị Tòa án sơ thẩm giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung là thỏa đáng và phù hợp pháp luật bảo vệ quyền lợi cho trẻ em vì cháu H1 còn quá nhỏ tuổi, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử giao cho anh H trực tiếp nuôi con chung là không phù hợp về mọi mặt, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của con chung. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm và giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, đảm bảo đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H N phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến xét xử vụ án. Việc kháng cáo của chị D đảm bảo đúng thời hạn quy định. Căn cứ Điều 27 Luật Viện kiểm sát nhân dân; Điều 37, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của chị D, sửa bản án sơ thẩm về phần con chung, giao chị D trực tiếp chăm sóc con chung V Đ H1 sinh ngày 21/11/2016, đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H cho đến khi có quyết định thay đổi khác,

kháng cáo của chị D được chấp nhận, nên chị D không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị V Th D trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét về yêu cầu kháng cáo của chị D không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử: Về con chung: Giao cháu V Đ H1 sinh ngày 21/11/2016 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị V Th D cho đến khi một trong các bên có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Chị V Th D và anh V Th H kết hôn hợp pháp, có đăng ký tại UBND xã V L, huyện H H, tỉnh Th B ngày 20/03/2015. vợ chồng sinh được 01 con chung là V Đ H1, sinh ngày 21/11/2016 từ nhỏ đến tháng 6/2022 do ông bà nội ở Th B nuôi dưỡng. Theo anh H trình bày đến tháng 6/2022 mới chuyển về ở cùng bố tại tổ 6, phường Ph D, quận B T L. Nhưng thực tế cháu H1 vẫn đang ở với ông bà nội tại Th B và đang học lớp 1A Trường Tiểu học V L, xã V L, huyện H H, tỉnh Th B (có xác nhận của trường Tiểu học và Trung học cơ sở V L), anh H và chị D thực tế lại đang sống và làm việc tại Thành phố H N . Chị D về Th B thăm nom con chung thì bị gây khó khăn cản trở, cháu H1 do anh H gửi ông bà nội tuổi cao sức khỏe yếu để chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 là không phù hợp, ảnh hưởng rất lớn về mọi mặt sự phát triển của cháu H1. Xét thấy việc chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 sau khi ly hôn là phù hợp đảm bảo về mọi mặt cho con chung phát triển. Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là không phù hợp, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con nhỏ. Thực tế từ trước đến nay chị D có chỗ ở, thu nhập ổn định. Cháu H1 còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc dạy dỗ trực tiếp của người mẹ. Anh H công tác trong lực lượng vũ trang thường xuyên phải ham gia trực tại đơn vị, hay phải đi công tác xa không về được nhà, không có thời gian cho gia đình gần gũi, chăm sóc giáo dục cháu H1 học tập. Thực tế trong khi giải quyết ly hôn và sau khi có bản án sơ thẩm, cháu H1 vẫn gửi do ông bà nội ở Th B nuôi dưỡng chăm sóc, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về mọi mặt con trẻ, Chị D thường xuyên về Th B thăm con nhưng đều bị gia đình nhà chồng cản

trở không cho thăm nom, cấm không cho đón con đi chơi cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung. Hơn nữa chị D từ trước đến nay công việc hành chính, thu nhập ổn định, không phải đi công tác xa nhà, có nhiều thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung trưởng thành phát triển tốt về mọi mặt. Do vậy HĐXX xét thấy có đủ căn cứ về mọi mặt để chấp nhận đơn kháng cáo của chị D, về việc giao con chung V Đ H1, sinh ngày 21/11/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, theo quy định khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sửa Bản án sơ thẩm số 254/2022/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện quận N T L, thành phố H N về phần con chung

Các quyết định khác của Bản sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên hội đồng xét xử không xét

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị V Th D được chấp nhận nhận, nên không phải chịu án phí phúc thẩm

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 58, Khoản 2 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V Th D.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 254/2022/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N T L, thành phố H N về phần con chung cụ thể:

Về con chung: Có 01 con chung là V Đ H1, sinh ngày 21/11/2016. Giao con chung V Đ H1 cho chị V Th D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H, cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở

Về án phí: Chị D không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Trả lại chị D số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng,*) đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0034493 ngày 20/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận N T L, thành phố H N.

Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 254/2022/HNGĐ - ST, ngày 06/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N T L, thành phố H N có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa sơ thẩm.
- VKSND. TP. H N;
- Chi cục THADS quận N T L
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tr Đ H